

Số: 953 /TTr-TTT

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 9 năm 2023

V/v hướng dẫn kê khai tài sản,
thu nhập của người có chức vụ,
quyền hạn trong các cơ quan, tổ
chức, đơn vị.

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Các Doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thời gian qua, công tác khai kê khai tài sản, thu nhập tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương bên cạnh ưu điểm thì vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, thiếu sót, xuất phát từ nguyên nhân: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm, nghiên cứu sâu kỹ quy định của pháp luật, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ để quán triệt, yêu cầu, chỉ đạo thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình; chưa được tập huấn, hướng dẫn một cách sâu kỹ, thông suốt, rõ ràng; chưa nắm rõ quy trình thủ tục, xác định chưa đúng đối tượng kê khai, tài sản, thu nhập phải kê khai; có nhiều trường hợp còn chủ quan, kê khai qua loa, không đúng quy định, tổ chức công khai bản kê khai không đảm bảo quy trình thủ tục,...

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3991/UBND-TCD ngày 25/9/2023 về việc rà soát, triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó giao Thanh tra tỉnh: *Chủ động, khẩn trương có văn bản hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập cuối năm 2023 đảm bảo chính xác, đầy đủ và đúng quy định pháp luật;*

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống tham nhũng, Thanh tra tỉnh hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương thực hiện một số nội dung cơ bản về việc kê khai tài sản, thu nhập như sau:

A. QUY ĐỊNH VỀ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Đến thời điểm hiện tại, việc kê khai tài sản, thu nhập được áp dụng, thực hiện theo quy định tại các văn bản sau đây:

I. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

II. Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

III. Kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập hằng năm của cấp có thẩm quyền.

B. NGHĨA VỤ, ĐỐI TƯỢNG PHẢI KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

I. Nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (Điều 33 luật PCTN):

1. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật này.

2. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

II. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (Điều 34 Luật PCTN):

1. Cán bộ, công chức.

2. Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.

3. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

C. TÀI SẢN, THU NHẬP PHẢI KÊ KHAI

I. Theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật PCTN: Tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm:

“a) Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;

b) Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;

c) Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

d) Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai”.

II. Mẫu bản kê khai tài sản thu nhập theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ:

1. Việc kê khai lần đầu, kê khai hằng năm và kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại Phụ lục II được ban hành kèm theo Nghị định này.

D. CÁCH THỨC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Người kê khai phải kê khai đúng mẫu kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, cụ thể như sau:

I. Đối với việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ:

Thực hiện theo mẫu quy định tại phần A, Phụ lục I, kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Yêu cầu phải ghi đúng, đủ, đảm bảo nguyên tắc kê khai tài sản, thu nhập đã hướng dẫn tại phần D trên đây. Ngoài ra, người kê khai cần thận trọng, lưu ý để kê khai đúng, đủ về tài sản, biến động tài sản thu nhập và giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm (*nội dung này thường hiểu chưa đúng, kê khai thiếu sót, lúng túng, không đầy đủ, ...*):

1. Đối với nội dung ghi thông tin chung được hiểu và ghi như sau:

a) *Mục Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân*: Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (Nhân dân/Quân nhân/Công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

b) *Mục nơi làm việc*: Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

2. Đối với nội dung ghi thông tin mô tả về tài sản được hiểu và ghi như sau:

a) *Mục Tài sản phải kê khai*: Là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

b) *Mục Quyền sử dụng thực tế đối với đất*: Là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c) *Mục Đất ở*: Là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

d) *Mục Địa chỉ thửa đất*: Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

đ) *Mục Diện tích thửa đất*: Ghi diện tích đất (m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

e) *Mục Giá trị thửa đất*: Là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể:

- Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có);

- Trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản;

- Trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và

ghi “giá trị ước tính”;

- Trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

f) *Mục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*: Nếu thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (*nếu là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người*); nếu thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “*chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

g) *Mục thông tin khác (nếu có)*: Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ: *như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác*); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

h) *Mục Đối với các loại đất khác*: Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

i) *Mục Loại nhà*: Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

j) *Mục Diện tích sử dụng*: Ghi tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.

k) *Mục Công trình xây dựng khác* là công trình xây dựng không phải nhà ở.

l) *Mục Tài sản gắn liền với đất*: Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

m) *Mục Cây lâu năm* là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

n) *Mục Rừng sản xuất* là rừng trồng.

o) *Mục Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên*: Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

p) *Mục Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên*: Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân (*bao gồm tiền trong tài khoản thanh toán lương, ... và tiền gửi tiết kiệm*), tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

q) *Mục Vốn góp*: Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp

và gián tiếp.

r) *Mục Các loại giấy tờ có giá khác*: Như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

s) *Mục Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)*: Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

t) *Mục Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)*: Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

u) *Mục Tài sản ở nước ngoài*: Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

v) *Mục Tài khoản ở nước ngoài*: Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

w) *Mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai*: Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác).

Lưu ý:

- Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai và không phải kê khai Mục III “*Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm*”.

- Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

3. Đối với nội dung mục III về *Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm* được hiểu và ghi như sau (*lưu ý, kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này*):

a) *Mục Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm (tại phần của mẫu)*: ghi và kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “*Không có biến động*” ngay sau tên của Mục III.

b) *Mục tăng*: Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng

vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

c) *Mục giảm*: Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

d) *Mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai*: Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; Sau đó, ông A sử dụng tiền bán thửa đất nêu trên:

- Mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng;
- Mua một ô tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 85A.....;
- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi vào bản kê khai tài sản thu nhập như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1. Đất ở - Bán thửa đất B	- 100m ²	500 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m ²	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D	+ 01 Số tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 85E-033.55	+ 01	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thừa đất B được 4.000 triệu

II. Đối với việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung:

Thực hiện theo mẫu quy định tại phần A, Phụ lục II, kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Người kê khai cần thận trọng, lưu ý để kê khai đúng, đủ, nhất là phần biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm (*nội dung này thường hiểu chưa đúng, kê khai thiếu sót, lúng túng, không đầy đủ, ...*) như sau:

1. Đối với nội dung Thông tin chung: Ghi như phần thông tin chung kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ đã hướng dẫn tại mục I, phần D trên đây.

2. Đối với phần Kê khai phần biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm:

a) *Phần thông tin chung* ghi như phần thông tin chung đã hướng dẫn trên đây.

b) *Mục tăng*: Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

c) *Mục giảm*: Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

d) *Mục Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai*: Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai (*xem Ví dụ tại phần hướng dẫn trên đây*).

e) *Mục Thông tin mô tả về tài sản, thu nhập tăng thêm*: Ghi thông tin mô tả về tài sản, thu nhập tăng thêm ghi như phần thông tin mô tả về tài sản đã hướng

dẫn trên đây. Lưu ý chỉ kê khai về những tài sản mới tăng thêm, không kê khai lại những tài sản đã kê khai trước đó.

E. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KÊ KHAI, CÔNG KHAI VÀ BÀN GIAO BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM:

I. Xác định đúng đối tượng kê khai tài sản, thu nhập:

1. Đối với kê khai tài sản, thu nhập lần đầu là những đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (các đối tượng mới tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị).

2. Đối với kê khai tài sản, thu nhập bổ sung được quy định tại khoản 2, Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, là những đối tượng đã kê khai lần đầu nhưng có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên thì phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

3. Đối với kê khai tài sản, thu nhập hàng năm gồm những đối tượng:

a) Những người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên) được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

b) Những người có nghĩa vụ kê khai hằng năm được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018: “*Người không thuộc quy định tại điểm a khoản này làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ...*”. Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, gồm:

- Các ngạch công chức và chức danh: Chấp hành viên; Điều tra viên; Kế toán viên; Kiểm lâm viên; Kiểm sát viên; Kiểm soát viên ngân hàng; Kiểm soát viên thị trường; Kiểm toán viên; Kiểm tra viên của Đảng; Kiểm tra viên hải quan; Kiểm tra viên thuế; Thanh tra viên; Thẩm phán.

- Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định cụ thể trong 105 danh mục tại Phụ lục III, ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Đối với những người đã kê khai tài sản, thu nhập hằng năm thì không kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

II. Tổ chức, hướng dẫn, tiếp nhận, quản lý, công khai, bàn giao việc kê khai tài sản, thu nhập đảm bảo đúng quy định:

1. Căn cứ Kế hoạch triển khai kê khai tài, sản thu nhập của UBND tỉnh vào tháng 11 hàng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch, văn bản triển khai, kèm theo danh sách đối tượng kê khai tài sản thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm.

2. Tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập (Điều 37 Luật PCTN):

“1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập như sau:

a) Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và gửi cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền;

b) Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai;

c) Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai.

2. Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu và gửi bản kê khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai”.

3. Người kê khai phải tuân thủ kê khai đúng theo mẫu kê khai tài sản, thu nhập, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung, không tự ý cắt bỏ những nội dung không có tài sản, phần biến động tài sản,... (những nội dung nào không có tài sản thì ghi chữ không có), kê khai đúng quy định tại mẫu của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

4. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ, bổ sung).

Ví dụ: Đối tượng kê khai hàng năm thì ghi: BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP HÀNG NĂM, NĂM 20...; kê khai bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bầu cử... thì ghi: BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ.

5. Bản kê khai lần đầu: Sử dụng cho các đối tượng mới tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị. Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”.

6. Bản kê khai bổ sung: Sử dụng cho những đối tượng đã kê khai lần đầu nhưng có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên thì phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (nhưng không phải là đối tượng kê khai hàng năm).

7. Bản kê khai hàng năm: Sử dụng cho những đối tượng giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên) được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và những người có nghĩa vụ kê khai hằng năm được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

8. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai.

9. Sau khi kê khai xong, người kê khai ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

10. Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm nhận bản kê khai. Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai tại đơn vị mình theo quy định tại Điều 37, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (gửi kèm theo mẫu sổ theo dõi).

11. Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập (Điều 38 luật PCTN)

“1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai.

2. Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền”.

12. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập (Điều 39 Luật PCTN):

“1. Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc.

2. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

3. Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử.

4. Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý”.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được lựa chọn một trong hai hình thức công khai sau: (1) niêm yết tại đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc, thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày làm việc, vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai hoặc (2) công khai tại cuộc họp cơ quan (*không phải công khai tại cuộc họp chi bộ, đảng bộ như một số đơn vị đã thực hiện trong thời gian qua*). Việc công khai bản kê khai đảm bảo đúng trình tự, đối tượng theo quy định tại Điều 39 của Luật PCTN năm 2018 và Điều 11, Điều 12, Điều 13, Chương IV Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, cụ thể:

“Điều 11. Việc công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Việc công khai bản kê khai đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như sau:

a) Bản kê khai của người giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng

b) Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc sở, ngành cấp tỉnh, phòng, ban cấp huyện được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã hoặc công khai tại cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức xã;

c) Bản kê khai của những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được niêm yết tại trụ sở doanh nghiệp nhà nước hoặc công khai tại cuộc họp gồm Ủy viên Hội đồng nhân dân, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các tổng Công ty, Công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Trưởng các đoàn thể trong tập đoàn, tổng Công ty nhà nước;

d) Bản kê khai của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp như được nêu tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Việc công khai bản kê khai tại cuộc họp đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

4. Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

5. Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 12. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được công khai bao gồm bản kê khai lần đầu, bản kê khai phục vụ việc bổ nhiệm và bản kê khai hàng năm hoặc bản kê khai bổ sung liên trước đó.

Việc công khai được thực hiện bằng hình thức công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

2. Trước khi lấy phiếu tín nhiệm, người chủ trì cuộc họp thực hiện việc công khai bản kê khai như sau:

a) Phát cho những người bỏ phiếu tín nhiệm bản sao của các bản kê khai nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Đọc hoặc phân công người đọc bản kê khai phục vụ bổ nhiệm và Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (nếu có).

Người kê khai có quyền giải thích các ý kiến nêu tại cuộc họp liên quan tới bản kê khai (nếu có).

3. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập phải được ghi vào biên bản cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

Điều 13. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước

1. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp để bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Việc công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.”

13. Thời gian kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành trước ngày 31/12 hàng năm theo quy định tại Điều 36, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Thời gian bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập về Cơ quan kiểm soát thực hiện đúng quy định theo Kế hoạch kiểm soát tài sản, thu nhập hàng năm của UBND tỉnh.

14. Qua theo dõi, tổng hợp và qua công tác xác minh tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị vừa qua, Thanh tra tỉnh nhận thấy tại một số đơn vị, địa phương thường có những hạn chế, tồn tại như sau:

a) Về kê khai: Người kê khai không kê khai đầy đủ các loại tài sản như đất, nhà, tiền,... có giá trị trên 50 triệu đồng mà đứng tên của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên; không kê khai các loại tài sản là tài sản riêng đứng tên hợp pháp của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên; không kê khai các loại tài sản theo quy định đứng tên hợp pháp của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên nhưng trên thực tế các loại tài sản này là do đứng tên giữ hộ, đứng tên giùm, đứng tên đồng sở hữu, đứng tên đại diện hộ gia đình,...; không kê khai số dư tài khoản thanh toán tại thời điểm kê khai như tài khoản lương, tài khoản thu nhập khác,....

Do đó, tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm phải kê khai đầy đủ, bao gồm: tài sản của vợ, chồng, con chưa thành niên và tài sản riêng của vợ, chồng, con chưa thành niên theo quy định tại Điều 35, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Các loại tài sản nào không có thì ghi chữ không có; phần biến động tài sản tăng hoặc giảm ghi rõ lý do tăng, giảm. Kê khai các loại tài sản đứng tên giữ hộ, đứng tên giùm, đứng tên đồng sở hữu, đứng tên đại diện hộ gia đình,... mà đứng tên chính mình thì ghi rõ lý do (theo hướng dẫn chi tiết tại phần B, Phụ lục I, II của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP).

b) Về giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm so với lần liền kề trước đó: Có một số trường hợp có tăng tài sản nhưng khi giải trình, không có giấy tờ hợp pháp theo quy định pháp luật để chứng minh các loại tài sản có biến động tăng hơn so với năm kê khai trước đó (thường chỉ chứng minh bằng giấy tờ viết tay nên không đủ cơ sở pháp lý).

c) Đối với các trường hợp kê khai lần đầu năm 2020, kê khai hàng năm, kê khai bổ sung năm 2021, 2022 không chính xác, đầy đủ, đúng quy định, ...:

Pháp luật hiện hành không quy định cho phép hay không cho phép thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung tại các bản kê khai này. Tuy nhiên, các bản kê khai này đã được nộp, lưu trữ hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định nên không được thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung. Đối với tài sản, thu nhập vì lý do nào đó mà chưa kê khai trong kỳ trước, hiện nay pháp luật không quy định cấm việc kê khai bổ sung vào bản kê khai hàng năm trong kỳ tới.

Do đó, các Sở ngành, địa phương nghiên cứu đề hướng dẫn, yêu cầu các trường hợp kê khai chưa chính xác, chưa đúng quy định, chưa đầy đủ các loại tài sản (kê khai thiếu các loại tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng, tài sản riêng, tài sản đứng tên giữ hộ, đứng tên giùm, đứng tên đồng sở hữu, đứng tên đại diện hộ gia đình, ... của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật, ... từ năm 2022 trở về trước) khắc phục ngay tình trạng việc kê khai qua loa, đại khái, hình thức, tiến hành kê khai bổ sung đúng, đủ nội dung, các loại tài sản, ... vào bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm và giải trình lý do cụ thể nay kê khai bổ sung. Các trường hợp có tài sản giảm hoặc tăng trong năm thì kê khai tại phần biến động tài sản tăng hoặc giảm như đã hướng dẫn trên đây.

d) Về trình tự, thủ tục kê khai, công khai, bàn giao bản kê khai:

Kiểm tra tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thấy còn tồn tại, hạn chế như: Không có danh sách xác định đối tượng kê khai tài sản lần đầu, bổ sung và hàng năm kèm theo Kế hoạch, văn bản triển khai kê khai tài sản, thu nhập hàng năm của cơ quan, đơn vị mình; bản kê khai tài sản không có người ký nhận; không mở sổ theo dõi, bàn giao, nhận bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm theo quy định; không có biên bản công khai tài sản, thu nhập tại cuộc họp cơ quan, đơn vị mình hoặc không có biên bản niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình; biên bản công khai tài sản không có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, đơn vị; thời gian niêm yết chưa đúng thời gian quy định tại khoản 3, Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP (Bản kê khai được công

khai chậm nhất là 05 ngày tính từ ngày bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập); hồ sơ lưu trữ trình tự thủ tục kê khai, công khai, bàn giao bản kê khai tài sản thu nhập chưa đầy đủ, sắp xếp không theo thứ tự; bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập về cơ quan kiểm soát thu nhập còn chậm so với thời gian quy định tại các kế hoạch triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập hàng năm của UBND tỉnh,....

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương cần khắc phục ngay và thực hiện đúng theo Hướng dẫn trên đây.

F. XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM ĐỐI VỚI NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 130/NĐ-CP của Chính phủ:

1. Người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý theo quy định tại Điều 51 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

(Điều 51 Luật PCTN:

1. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì bị xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử.

2. Người được dự kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử giữ chức vụ mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến.

3. Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm; nếu được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thì còn bị đưa ra khỏi danh sách quy hoạch; trường hợp xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm thì có thể xem xét không kỷ luật.

4. Quyết định kỷ luật được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người bị xử lý kỷ luật làm việc).

2. Người có nghĩa vụ kê khai mà tâu tán, che giấu tài sản, thu nhập, cản trở hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập, không nộp bản kê khai sau 02 lần được đôn đốc bằng văn bản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc, giáng cấp bậc quân hàm, giáng cấp bậc hàm.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung cơ bản, cụ thể, chi tiết về việc kê khai tài sản, thu nhập hàng năm. Đề nghị Thủ trưởng các Sở ngành, địa phương tiếp tục nghiên cứu sâu kỹ, đầy đủ các quy định có liên quan và hướng dẫn này

để chỉ đạo triển khai; hướng dẫn cho người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình thực hiện đảm bảo chính xác, đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Trong thời gian đến, nếu cơ quan, đơn vị, địa phương nào còn vi phạm về công tác chỉ đạo, triển khai, tiếp nhận, công khai, bàn giao, báo cáo, lưu trữ, sắp xếp hồ sơ,... về kê khai tài sản, thu nhập thì Thủ trưởng cơ quan và bộ phận tham mưu của các cơ quan, đơn vị, địa phương đó phải chịu trách nhiệm. Đối với người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ mà kết luận, kiến nghị xử lý theo quy định tại Điều 51 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- LĐ Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, PNV3.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Nguyễn Khắc Đông